TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST
Ngày 20-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 94/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HS ngày 23/3/2010; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HS ngày 07/4/2020 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 117/1 đường T, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; dân tộc: Kinh; con ông Phan Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); bị cáo có 06 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1948, nhỏ nhất sinh năm 1968; có chồng tên Nguyễn Tấn C, sinh năm 1954 và 02 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2019, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty TNHH Joon S; trụ sở: 46-51 đường số 6, khu công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Ngọc A, sinh năm 1985; địa chỉ: 22/45 đường số 22, khu phố 4, phường L, quận T, T; địa chỉ nơi làm việc: 46-51 đường số 6, khu công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1954; thường trú: 117/1 đường T, Phường 7, quận P, T; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Joon S (gọi tắt Công ty S) có trụ sở số 46-51, đường số 6, khu công nghiệp S, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Vào năm 2007, T là nhân viên nhân sự xưởng B, kiêm chủ tịch công đoàn của Công ty S. Theo nhiệm vụ được phân công, T chịu trách nhiệm trong việc tuyển công nhân, chấm công, nhận tiền lương, tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản của công nhân rồi phát lại theo quy định.

Vào các ngày 23/4/2007, 18/5/2007, 15/6/2007, T nhận tổng số tiền 88.229.960 đồng của 19 công nhân nghỉ thai sản từ chị Nguyễn Thị L, nhân viên phòng nhân sự của Công ty S. Việc giao nhận tiền được lập "Biên nhận" có chữ ký xác nhận của T vào mục "Người nhận". Tuy nhiên, T không chi trả cho 19 công nhân theo quy định mà đã tiêu xài hết số tiền trên. Để tránh bị công ty phát hiện, T tự ký tên thay cho 19 công nhân vào danh sách phát tiền rồi nộp lại cho phòng nhân sự của công ty. Đồng thời, khi các công nhân liên hệ nhận tiền nghỉ thai sản, T nói chưa có và hứa hẹn khi có sẽ liên hệ lại.

Đến tháng 7/2007, các công nhân khiếu nại với chị Trần Thị Hà B, trưởng phòng nhân sự Công ty S. Ngày 19/7/2007, chị Trần Thị Hà B tổ chức họp công ty. Tại cuộc họp, T thừa nhận việc chậm chi trả tiền chế độ cho công nhân là sai và hứa hẹn đến ngày 21/7/2007 sẽ chi trả tiền cho công nhân. Tiếp đó, khoảng 14 giờ ngày 20/7/2007, T đến gặp chị Vũ Thị Hải D, nhân viên kế toán của Công ty S để nhận tiền lương ứng tháng 7/2007 của 285 công nhân xưởng B. Sau khi ký tên vào mục "Người nhận tiền" tại phiếu chi số AC0772 ngày 20/7/2007 để nhận tổng số tiền 42.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T không quay về vị trí làm việc để phát tiền cho 285 công nhân mà đem số tiền này đi bộ ra cổng rồi đón xe ôm bỏ trốn. Chiều cùng ngày, khi phát hiện T đã bỏ trốn nên đại diện Công ty S đến nơi cư trú của T tại phường T, quận T và phường T, Quận 7, T để tìm nhưng không có.

Ngày 21/7/2007, Công ty S có công văn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D (nay là thành phố D). Đồng thời, Công ty S đã xuất tiền chi trả các khoản lương ứng, tiền thai sản cho công nhân theo quy định. Tổng số tiền T chiếm đoạt trong vụ án là 130.229.960 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/12/2019, ông Nguyễn Tấn C là chồng của bị cáo T đã bồi thường cho Công ty S số tiền 130.229.960 đồng. Công ty S không có yêu cầu gì thêm. Ông Cường không yêu cầu T phải trả lại số tiền trên.

Cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 03/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo T về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo

toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào ngày 23/4/2007 đến ngày 20/7/2007, tại địa chỉ số 46-51, đường số 6, khu công nghiệp S, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, T đã lạm dụng sự tin tưởng của Công ty S tạm ứng tiền thai sản và ứng tiền lương của công nhân Xưởng B tổng số tiền 130.229.960 đồng nhưng không chi trả cho công nhân theo quy định mà tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 131/CT - VKS ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của nguyên đơn dân sự được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự đây là tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nghề nghiệp nội trợ, bị bệnh tiểu đường. Trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 130.229.960 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho nguyên đơn dân sự. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết. Ông C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm đủ sức răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là quá nghiêm khắc.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD**;**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
-VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

Phan Thị Hiền